

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2021/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phân cấp quản lý chất lượng và bảo trì công
trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 601/TTr-SXD ngày 19 tháng 8 năm 2021 và Công văn số 1882/TTr-SXD ngày 17/9/2021; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 163/BC-STP ngày 04 tháng 8 năm 2021 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản

lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2021 và thay thế Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Đặng Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về phân cấp trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ngoài những nội dung Quy định này, việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng còn phải tuân thủ theo các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Chương II PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

Điều 3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (gọi tắt là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP) phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền theo phân cấp tại Quy

định này kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình.

2. Trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình.

3. Đối với các công trình cấp III ảnh hưởng lớn đến an toàn lợi ích cộng đồng quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (gọi tắt là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP) đi qua địa bàn hai huyện thì do sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu.

4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng được quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 9 của Quy định này; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh.

5. Việc kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại khoản 4 Điều này không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và trách nhiệm của các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng về chất lượng công trình xây dựng đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, thực hiện các việc sau:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn triển khai các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

b) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

c) Kiểm tra thường xuyên, đột xuất các cơ quan chuyên môn về xây dựng trong việc thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành trên địa bàn tỉnh;

d) Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng định kỳ, hàng năm về nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 (trừ các công trình quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24) Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và trừ các công trình quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này, cụ thể:

a) Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị) sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc các Sở được ủy quyền quyết định đầu tư; do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng).

b) Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng.

c) Công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định tại Mục I, khoản II.1 và khoản II.7 Mục II, Mục III, đường trong đô thị thuộc Mục IV Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP:

Công trình cấp II, III do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc các Sở được ủy quyền quyết định đầu tư;

Công trình cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư và công trình sử dụng vốn khác.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng công, thi công xây dựng công trình giao thông quy định tại Mục IV Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, trừ các công trình giao thông do Sở Xây dựng quản lý.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 52 (trừ các công trình quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24) Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và trừ các công trình quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này, cụ thể:

a) Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc các Sở được ủy quyền quyết định đầu tư; do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên (không bao gồm chi phí bồi

thường, giải phóng mặt bằng), trừ công trình tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy định này.

b) Công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định tại Mục IV Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP trừ công trình tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quy định này:

Công trình cấp II, III do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc các Sở được ủy quyền quyết định đầu tư;

Công trình cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư và công trình sử dụng vốn khác.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng công, thi công xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Mục V Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng theo quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 52 (trừ các công trình quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24) Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và trừ các công trình quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này, cụ thể:

a) Các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc các Sở được ủy quyền quyết định đầu tư; do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng).

b) Công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định tại Mục V Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP:

Công trình cấp II, III do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc các Sở, được ủy quyền quyết định đầu tư;

Công trình cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư và công trình sử dụng vốn khác.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước chất lượng, thi công xây dựng công trình công nghiệp quy định tại Mục II Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, trừ các công trình công nghiệp do Sở Xây dựng quản lý.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng theo quy định tại điểm d Khoản 4 Điều 52 (trừ các công trình quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24) Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và trừ các công trình quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này, cụ thể:

a) Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc các Sở được ủy quyền quyết định đầu tư; do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng).

b) Công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định tại khoản II.2, khoản II.3, khoản II.4, khoản II.5, khoản II.6 Mục II Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP:

Công trình cấp II, III do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc các Sở được ủy quyền quyết định đầu tư;

Công trình cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư và công trình sử dụng vốn khác.

Điều 8. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý (trừ các công trình quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP), cụ thể:

Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi được ủy quyền quyết định đầu tư.

Công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi được ủy quyền quyết định đầu tư và công trình sử dụng vốn khác.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý nhà nước về những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này trên địa bàn; hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

2. Giao cơ quan quản lý xây dựng trực thuộc thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn, trừ các công trình quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Quy định này.

Điều 10. Nội dung, trình tự kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng

Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện nội dung, trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và nghiệm thu hoàn thành công trình theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương III

BẢO TRÌ, ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CÔNG TRÌNH VÀ XỬ LÝ CÔNG TRÌNH CÓ DẤU HIỆU NGUY HIỂM, CÔNG TRÌNH HẾT HẠN SỬ DỤNG

Điều 11. Bảo trì công trình xây dựng

Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm:

Tổ chức thực hiện bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Điều 33 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

Lập kế hoạch bảo trì, quản lý chất lượng công việc bảo trì, chi phí bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Điều 32, Điều 34, Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 12. Trách nhiệm đánh giá an toàn công trình

1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, theo chuyên ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc rà soát, quy định lộ trình, tiếp nhận báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình và thông báo ý kiến kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Tổ chức đánh giá an toàn công trình có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 13. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng

1. Khi chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình phát hiện công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Chính quyền địa phương khi nhận được thông tin hoặc phát hiện công trình nguy hiểm, không đảm bảo cho việc khai thác phải thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 14. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế

1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình xác định thời hạn sử dụng của công trình theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình.

2. Đối với công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, trong thời hạn tối thiểu 12 tháng trước khi công trình hết thời hạn sử dụng, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP về thời điểm hết thời hạn sử dụng công trình và dự kiến phương án xử lý đối với công trình sau khi hết thời hạn sử dụng.

3. Đối với công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp trừ đối tượng nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân; chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Các trường hợp không tiếp tục sử dụng đối với công trình hết hạn sử dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ (gọi tắt là Thông tư 10/2021/TT-BXD)

Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố công trình hết hạn sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư 10/2021/TT-BXD.

Chương IV
SỰ CỐ TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**Điều 15. Phân cấp sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình; báo cáo sự cố công trình xây dựng**

Phân cấp sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình; báo cáo sự cố công trình xây dựng được quy định tại Điều 43, Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 16. Giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố công trình chuyên ngành trên địa bàn tỉnh trừ các công trình khoản 3, khoản 4 Điều này.

3. Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp III trên địa bàn.

Điều 17. Giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng

1. Thẩm quyền tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, quy định như sau:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quy định này và các công trình chuyên ngành do cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi kiểm tra công tác nghiệm thu.

b) Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Xây dựng hoặc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố các công trình chuyên ngành.

3. Nội dung thực hiện giám định nguyên nhân sự cố, chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương V

SỰ CỐ MẤT AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 18. Sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình

1. Sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình gồm:

a) Sự cố sập đổ máy, thiết bị phục vụ công tác thi công xây dựng (sau đây gọi là sự cố về máy, thiết bị);

b) Sự cố tai nạn lao động xảy ra trong thi công xây dựng công trình.

2. Khai báo, điều tra, báo cáo và giải quyết sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình:

a) Đối với sự cố quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, việc khai báo, điều tra, báo cáo và giải quyết sự cố được thực hiện theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Đối với sự cố quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì việc khai báo, điều tra, báo cáo và giải quyết sự cố thực hiện theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 19. Hồ sơ xử lý sự cố máy, thiết bị

Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Xử lý chuyển tiếp

1. Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được quyết định đầu tư trước ngày Nghị định số 06/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì loại và cấp của công trình được xác định theo quy định của pháp luật tại thời điểm quyết định đầu tư.

2. Đối với công trình xây dựng khởi công trước ngày Nghị định số 06/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng nhưng không thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thì không tiếp tục thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để theo dõi.

3. Đối với công trình xây dựng khởi công trước ngày Nghị định số 06/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ, thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất

và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND cấp huyện; chủ đầu tư, nhà đầu tư; các nhà thầu trong nước, nước ngoài, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) để xem xét, giải quyết./.